

Số: 97 /TTr-UBND

Cà Mau, ngày 28 tháng 9 năm 2020

**HỎA TỐC**

**TỜ TRÌNH**

**Về việc điều chỉnh và bổ sung danh mục kế hoạch vốn  
đầu tư công năm 2020, năm 2019 chuyển sang năm 2020**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau

Theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2019), Luật Đầu tư công; Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về việc điều chỉnh và bổ sung danh mục kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020, năm 2019 chuyển sang năm 2020, như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT**

Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2019, năm 2020 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua. Trong quá trình triển khai thực hiện có dự án tiến độ thực hiện nhanh cần bổ sung vốn để sớm hoàn thành đưa vào sử dụng, bên cạnh đó có dự án trong quá trình triển khai gặp khó khăn, vướng mắc nên không giải ngân hết kế hoạch vốn đã bố trí. Do đó, để sử dụng có hiệu quả kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020, năm 2019 chuyển sang năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh và bổ sung danh mục kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020, năm 2019 chuyển sang năm 2020.

**II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM**

**1. Mục đích**

Tổ chức thực hiện và sử dụng có hiệu quả kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020, năm 2019 chuyển sang năm 2020.

**2. Quan điểm**

Thực hiện đúng quy định của Luật Đầu tư công, các văn bản pháp luật của cấp thẩm quyền về đầu tư công, làm cơ sở để điều hành, tổ chức triển khai thực hiện tốt kế hoạch vốn đầu tư công của tỉnh.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG**

Thực hiện theo sự phân công của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với các Chủ đầu tư xây dựng dự thảo Nghị quyết; sau đó gửi lấy ý kiến đóng góp của các đơn vị có liên quan, kết quả có 21/21 đơn vị tham gia đóng góp ý kiến.

Về cơ bản các đơn vị thống nhất với nội dung dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh; đồng thời, có một số ý kiến đóng góp liên quan đến bổ sung kế hoạch vốn cho các dự án, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung trên cơ sở khả năng cân đối kế hoạch vốn đã bố trí và đã hoàn chỉnh dự thảo các văn bản trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức cuộc họp thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh để thảo luận, biểu quyết nội dung Tờ trình và Nghị quyết theo quy định.

#### **IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG**

##### **1. Bố cục**

Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về việc điều chỉnh và bổ sung danh mục kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020, năm 2019 chuyển sang năm 2020 có 03 Điều.

##### **2. Nội dung cơ bản**

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 (gồm cả năm 2019 chuyển sang) là 4.070 tỷ đồng; tính đến ngày 23/9/2020 đã giải ngân 2.600 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 63,9% (trong đó riêng vốn ngân sách tập trung do tỉnh quản lý giải ngân đạt tỷ lệ 79%, vốn xổ số kiến thiết giải ngân đạt tỷ lệ 53,5%).

Trong quá trình triển khai thực hiện, có một số dự án gặp khó khăn vướng mắc (như: bồi thường giải phóng mặt bằng, phát sinh hạng mục đầu tư phải điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh dự án, điều chỉnh thiết kế - bản vẽ thi công hoặc đang trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu...) hoặc có những dự án qua đấu thầu có giảm giá nên khả năng không giải ngân hết kế hoạch vốn đã bố trí; từ đó, các chủ đầu tư dự án đề xuất điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đã bố trí; đồng thời, có những dự án có tiến độ thực hiện nhanh, dự án cấp thiết, đã giải ngân hết kế hoạch vốn đã bố trí và có nhu cầu bổ sung thêm vốn để đẩy nhanh tiến độ sớm hoàn thành đưa vào sử dụng.

Xuất phát từ thực tế trên, để sử dụng có hiệu quả kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 và năm 2019 chuyển sang năm 2020, góp phần tăng tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; việc đề xuất điều chỉnh và bổ sung danh mục kế hoạch vốn của các chủ đầu tư từ dự án không có khả năng giải ngân sang dự án có nhu cầu bổ sung vốn là cần thiết, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh và bổ sung danh mục kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020 và năm 2019 chuyển sang năm 2020, như sau:

**2.1. Kế hoạch vốn ngân sách tập trung và nguồn thu sử dụng đất do tỉnh quản lý năm 2020 (684,597 tỷ đồng):** điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 17,155 tỷ đồng của 08 dự án để bổ sung kế hoạch vốn cho 08 dự án, như Phụ lục I kèm theo.

**2.2. Kế hoạch vốn xổ số kiến thiết (XSKT) năm 2020 (900,485 tỷ đồng):** Đề xuất điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 81,641 tỷ đồng của 21 dự án để bổ sung kế hoạch vốn cho 16 dự án (trong đó, có đề xuất bổ sung 05 dự án ngoài danh mục kế hoạch vốn XSKT giao đầu năm 2020, không làm tăng tổng kế hoạch vốn được giao đầu năm 2020), như Phụ lục II kèm theo. Cụ thể 05 danh mục dự án bổ sung cụ thể như sau:

- Tổng kế hoạch vốn XSKT năm 2020 là 1.150 tỷ đồng; trong đó: Hỗ trợ cho các huyện, thành phố 249,515 tỷ đồng để đầu tư cho các lĩnh vực giáo dục và đào tạo (158,508 tỷ đồng), xây dựng nông thôn mới (89,807 tỷ đồng), văn hóa - xã hội (1,200 tỷ đồng); còn lại 900,485 tỷ đồng bố trí cho các dự án do tỉnh quản lý.

- Tính đến ngày 23/9/2020, giải ngân kế hoạch vốn XSKT do tỉnh quản lý năm 2020 đạt 481,352/900,485 tỷ đồng, bằng 53,5% kế hoạch vốn; tỷ lệ giải ngân đến thời điểm hiện nay thấp hơn so với tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công chung của tỉnh (63,9%). Nguyên nhân: do một số dự án gặp khó khăn, vướng mắc trong khâu bồi thường, giải phóng mặt bằng, thủ tục hồ sơ nên khả năng không giải ngân hết kế hoạch vốn đã bố trí, từ đó các chủ đầu tư dự án đề xuất điều chỉnh giảm kế hoạch vốn.

- Mặt khác qua tổng hợp có 05 dự án đang có nhu cầu bổ sung vốn năm 2020, cụ thể:

+ Có 02 dự án (Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng Điểm du lịch Đất Mũi thuộc Khu du lịch quốc gia Mũi Cà Mau và Dự án đầu tư xây dựng kè cấp bách bảo vệ bờ biển Đông khu vực cửa biển Rạch Gốc, cửa biển Vàm Xoáy, huyện Ngọc Hiển) được phê duyệt sử dụng từ nguồn vốn ngân sách trung ương và đối ứng từ ngân sách tỉnh, đến nay đã giải ngân hết kế hoạch vốn ngân sách trung ương hỗ trợ, kế hoạch vốn địa phương chưa được bố trí và có nhu cầu bổ sung thêm vốn để thanh toán khối lượng thực hiện.

+ Có 02 dự án (Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng Khu nhà ở trong Khu du lịch Làng nghề thuộc Công viên Văn hóa – Du lịch Mũi Cà Mau và Dự án đầu tư xây dựng hệ thống giao thông khu hành chính huyện Phú Tân) đã được bố trí sử dụng từ kế hoạch vốn ngân sách tập trung do tỉnh quản lý năm 2020, đã giải ngân hết kế hoạch vốn đã bố trí, có nhu cầu bổ sung thêm vốn nhưng khả năng điều chỉnh, bổ sung từ kế hoạch vốn ngân sách tập trung do tỉnh quản lý năm 2020 không đủ.

+ Có 01 dự án (Bệnh viện Sản Nhi Cà Mau) vừa được cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư có nhu cầu bổ sung vốn để thanh toán.

Do kế hoạch vốn XSKT năm 2020 giải ngân đạt tỷ lệ thấp; trong khi, 05 dự án nêu trên (không có trong danh mục bố trí sử dụng từ kế hoạch vốn XSKT đầu tư năm 2020) có nhu cầu bổ sung vốn nhưng chưa cân đối được vốn bố trí nên để điều hòa danh mục dự án, sử dụng có hiệu quả kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020, góp phần đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án và tăng tỷ lệ giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thống nhất bổ sung 05 dự án vào danh mục dự án sử dụng kế hoạch vốn XSKT năm 2020 và bổ sung vốn 47,572 tỷ đồng để thanh toán; cụ thể như sau:

(1) Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện Sản - Nhi Cà Mau: đề xuất bổ sung 07 tỷ đồng.

*Lý do:* Dự án này đã hoàn thành đưa vào sử dụng, đã được phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư (tại Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 06/7/2020 của UBND tỉnh với tổng mức đầu tư sau điều chỉnh 488,025 tỷ đồng); có nhu cầu bổ sung 07 tỷ đồng để thanh toán khối lượng thực hiện.

(2) Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng Điểm du lịch Đất Mũi thuộc Khu du lịch quốc gia Mũi Cà Mau: đề xuất bổ sung 9,5 tỷ đồng.

*Lý do:* Dự án này có tổng mức đầu tư 133,639 tỷ đồng (cơ cấu nguồn vốn: NSTW hỗ trợ 110 tỷ đồng; nguồn vốn ngân sách tỉnh 23,639 tỷ đồng); kế hoạch vốn NSTW đã hỗ trợ đủ 110 tỷ đồng, phần vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh chưa bố trí; hiện nay có nhu cầu bổ sung 9,5 tỷ đồng để đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

(3) Dự án đầu tư xây dựng kè cấp bách bảo vệ bờ biển Đông khu vực cửa biển Rạch Gốc, cửa biển Vàm Xoáy, huyện Ngọc Hiển: đề xuất bổ sung 10,572 tỷ đồng.

*Lý do:* Dự án này có tổng mức đầu tư 134,384 tỷ đồng (cơ cấu nguồn vốn: NSTW hỗ trợ 110 tỷ đồng; nguồn vốn ngân sách tỉnh 24,384 tỷ đồng); kế hoạch vốn NSTW đã hỗ trợ đủ 110 tỷ đồng, phần vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh chưa bố trí; hiện nay có nhu cầu bổ sung 10,572 tỷ đồng để đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

(4) Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng Khu nhà ở trong Khu du lịch Làng nghề thuộc Công viên Văn hóa - Du lịch Mũi Cà Mau: đề xuất bổ sung 8,5 tỷ đồng.

*Lý do:* Dự án này được bố trí sử dụng từ kế hoạch vốn ngân sách tập trung do tỉnh quản lý; nay có nhu cầu bổ sung thêm 8,5 tỷ đồng để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2020.

(5) Dự án đầu tư xây dựng hệ thống giao thông khu hành chính huyện Phú Tân: đề xuất bổ sung 12 tỷ đồng.

*Lý do:* Dự án này được bố trí sử dụng từ kế hoạch vốn ngân sách tập trung do tỉnh quản lý; nay có nhu cầu bổ sung thêm 12 tỷ đồng để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành đưa vào sử dụng trong năm 2020.

Theo quy định đối với vốn XSKT phải bố trí cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế tối thiểu 50%, lĩnh vực xây dựng nông thôn mới tối thiểu 10%, sau đó ưu tiên bố trí cho các dự án thuộc lĩnh vực ứng phó với biến đổi khí hậu, văn hóa - xã hội, các dự án quan trọng của địa phương.

Sau khi bổ sung 05 danh mục dự án và điều chỉnh kế hoạch vốn XSKT năm 2020 nêu trên; tỷ lệ kế hoạch vốn XSKT năm 2020 bố trí cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế là 587,693 tỷ đồng (gồm cả hỗ trợ cho cấp huyện), đạt tỷ lệ 51,1%, lĩnh vực nông thôn mới 214,750 tỷ đồng (gồm cả hỗ trợ cho cấp huyện), đạt tỷ lệ 18,7%. Do đó, việc đề xuất bổ sung 05 danh mục dự án và điều chỉnh kế hoạch vốn XSKT năm 2020 nêu trên đảm bảo phù hợp với quy định.

**2.3. Kế hoạch vốn ngân sách tập trung và nguồn thu sử dụng đất do tỉnh quản lý năm 2019 chuyển sang năm 2020 (23,309 tỷ đồng):** điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 2,814 tỷ đồng của 03 dự án để bổ sung kế hoạch vốn cho 02 dự án, như Phụ lục III kèm theo.

**2.4. Kế hoạch vốn xỏ số kiến thiết năm 2019 chuyển sang (46,661 tỷ đồng):** đề xuất điều chỉnh giảm kế hoạch vốn 972 triệu đồng của 03 dự án để bổ sung kế hoạch vốn cho 03 dự án, như Phụ lục IV kèm theo.

Trên đây là nội dung Tờ trình về việc thông qua Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh và bổ sung danh mục kế hoạch vốn đầu tư công năm 2020, năm 2019 chuyển sang năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết nghị./.

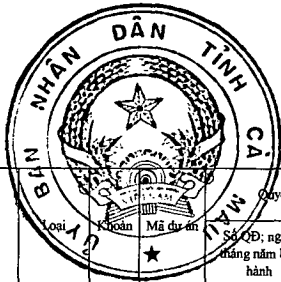
**Nơi nhận:**

- TT. HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh (VIC);
- LĐVP UBND tỉnh (VIC);
- Các Sở: KH&ĐT, TC, Tư pháp (VIC);
- Phòng QH-XD, TH (Đa03-VIC);
- Lưu: VT, M.A08/9.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lâm Văn Bi**



PHỤ LỤC I

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG DO TỈNH QUẢN LÝ NĂM 2020

(Kèm theo Tờ trình số 97 /TTr-UBND ngày 28/9/2020 của UBND tỉnh Cà Mau)

Đơn vị tính: Triệu đồng.

TT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư				Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư		
		Loại	Khoản	Mã dự án	Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Tăng (+)	Giảm (-)					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20=(16+18)-19	21	22
	<b>TỔNG SỐ</b>					4.278.626	2.097.324	300.814	29.891	1.884.738	1.280.679	1.349.708	872.173	800.345	684.597	684.597	17.155	17.155	684.597		
<b>A</b>	<b>NÔNG, LÂM, THỦY SẢN</b>					290.844	138.864	70.877	-	146.107	106.107	65.618	28.044	22.000	22.000	23.000	1.000	-	23.000		
<i>1</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>					290.844	138.864	70.877	-	146.107	106.107	65.618	28.044	22.000	22.000	23.000	1.000	-	23.000		
1	Dự án đầu tư xây dựng Vườn Quốc gia U Minh hạ, tỉnh Cà Mau			7070714	936/QĐ-UBND ngày 12/6/2008; 153/QĐ-UBND ngày 27/01/2016	144.560	33.580	70.877	-	38.580	38.580	18.418	15.844	10.600	10.600	10.600			10.600		Vườn Quốc gia U Minh hạ
2	Công trình đầu tư rừng giống, vườn giống, vườn ươm cây rừng ngập mặn tỉnh Cà Mau	280	283	7626031	2431/QĐ-SNN ngày 27/10/2017	7.867	7.867			7.867	7.867	2.000	2.000	3.000	3.000	3.000			3.000		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
3	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng sản xuất giống - Trại giống Khánh Lâm 2	280	281	7578614	540/QĐ-UBND ngày 29/3/2016; 78/QĐ-UBND ngày 16/01/2018; 1682/QĐ-UBND ngày 02/10/2019	63.060	48.060			63.060	48.060	20.000	5.000	2.000	2.000	3.000	1.000		3.000	Thanh toán khối lượng thực hiện	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
4	Dự án Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2016 - 2020			7599744	1817/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	75.357	49.357			36.600	11.600	25.200	5.200	6.400	6.400	6.400			6.400		Chi cục Kiểm lâm tỉnh Cà Mau
<b>B</b>	<b>GIAO THÔNG</b>					2.316.250	834.942	192.564	16.664	626.624	275.528	838.848	435.752	311.500	239.500	239.500	0	0	239.500		
<i>1</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>					2.316.250	834.942	192.564	16.664	626.624	275.528	838.848	435.752	311.500	239.500	239.500	0	0	239.500		
1	Hệ thống giao thông khu hành chính huyện Phú Tân			7147972	1297/QĐ-UBND ngày 29/7/2009	89.981	89.981	16.664	16.664	73.317	73.317	45.753	45.753	15.000	15.000	15.000			15.000		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
2	Tuyến đường phía bờ Nam sông Ông Đốc nối vào Quốc lộ 1A (Rau Dừa - Rạch Răng - Sông Đốc).			7249003	1566/QĐ-UBND ngày 31/10/2012; 1655/QĐ-UBND ngày 31/10/2014; 72/QĐ-UBND ngày 13/01/2020	1.521.792	593.000	100.000	-	481.096	160.000	764.096	371.000	283.000	211.000	211.000			211.000		Sở Giao thông Vận tải
3	Tuyến đường cứu hộ, cứu nạn đê biển Tây, phục vụ ANQP khu vực Hòn Đá Bạc kết hợp phòng cháy rừng VQG U Minh hạ, tỉnh Cà Mau (đường Tắc Thủ - Vàm Đá Bạc)			7249001	1569/QĐ-UBND ngày 31/10/2012; 1656/QĐ-UBND ngày 31/10/2014; 1683/QĐ-UBND ngày 02/10/2019	657.270	113.550	75.900	-	13.800	3.800	13.800	3.800	1.500	1.500	1.500			1.500		Sở Giao thông vận tải
4	Tuyến đường vào Khu căn cứ Huyện ủy huyện Thới Bình			7653862	4467/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	23.796	15.000			35.000	15.000	10.000	10.000	3.000	3.000	3.000			3.000		Hỗ trợ ngân sách huyện Thới Bình
5	Tuyến đường bờ Tây kênh Kiểm Lâm, thị trấn Cái Đồi Vàm, huyện Phú Tân			7685902	382/QĐ-SXD ngày 30/10/2018; 186/QĐ-UBND ngày 29/6/2020	23.411	23.411			23.411	23.411	5.199	5.199	9.000	9.000	9.000			9.000		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
<b>C</b>	<b>HẠ TẦNG ĐÔ THỊ</b>					651.552	183.353	24.146	-	206.985	67.770	35.229	28.364	33.360	33.360	33.633	273	0	33.633		

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư
			Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Tăng (+)	Giảm (-)			
I	<b>Dự án chuyển tiếp</b>			642.400	174.201	24.146	-	198.833	59.618	34.877	28.012	25.560	25.560	25.833	273	0	25.833		
1	Dự án đầu tư xây dựng đường dẫn từ Quốc lộ 1A vào dự án Khu dân cư phía Đông Quận 1 (Khu A), xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau	292	7598225	277/QĐ-SXD ngày 14/10/2016	14.862	14.862			14.862	14.862	2.839	2.839	5.300	5.300	5.300		5.300		Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau
2	Nâng cấp đường trung tâm hành chính huyện Cái Nước (đoạn từ cầu Tái chính đến cầu Đền thờ Bắc Hử)	292	7723869	383/QĐ-SXD ngày 30/10/2018	10.886	10.886			10.886	10.886	8.038	8.038	2.500	2.500	2.773	273	2.773	Thanh toán khối lượng thực hiện	Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
3	Nâng cấp đường ô tô đến trung tâm thị trấn Rạch Gốc (đoạn từ ngã tư Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp đến cầu Kênh Huê), huyện Ngọc Hiển	292	7725816	388/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	8.310	8.310			8.310	8.310	4.000	4.000	3.760	3.760	3.760		3.760		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
4	Dự án đường dẫn nối từ Quốc lộ 63 (đường Nguyễn Trãi) vào dự án khu dân cư Đông Bắc Quảng trường văn hóa trung tâm (Khu C)	292	7565716	543/QĐ-UBND ngày 30/3/2016	40.558	40.558			25.560	25.560	9.381	9.381	13.000	13.000	13.000		13.000		Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau
5	Dự án Cải tạo và xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Cà Mau		7007279	1258/QĐ-UBND ngày 27/8/2015; 480/QĐ-TTg ngày 08/4/2020	567.784	99.585	24.146		139.215		10.619	3.754	1.000	1.000	1.000		1.000		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
II	<b>Dự án khởi công mới năm 2020</b>			9.152	9.152	-	-	8.152	8.152	352	352	7.800	7.800	7.800	0	0	7.800		
1	Bờ kè từ cống Rạch Ráng đến Trụ sở Công an huyện Trần Văn Thời		7635201	221/QĐ-UBND ngày 25/5/2017	9.152	9.152			8.152	8.152	352	352	7.800	7.800	7.800		7.800		Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời
D	<b>HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP</b>			4.590	4.590	-	-	4.590	4.590	-	-	4.495	4.495	4.495	0	0	4.495		
1	<b>Dự án khởi công mới năm 2020</b>			4.590	4.590	-	-	4.590	4.590	-	-	4.495	4.495	4.495	0	0	4.495		
1	Dự án đầu tư xây dựng mới đường dây trung thế 3 pha đường N1 (tuyến bên phải) Khu công nghiệp Khánh An	309	7766120	90/QĐ-SCT ngày 18/6/2019	4.590	4.590			4.590	4.590			4.495	4.495	4.495		4.495		Ban Quản lý Khu kinh tế
E	<b>KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, CÔNG NGHỆ THÔNG TIN</b>			26.521	24.990	-	-	24.990	24.990	19.990	19.990	9.903	9.903	9.903	0	0	9.903		
1	<b>Dự án chuyển tiếp</b>			26.521	24.990	-	-	24.990	24.990	19.990	19.990	9.903	9.903	9.903	0	0	9.903		
1	Dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Đảng tỉnh Cà Mau giai đoạn 2015 - 2020		7579881	1650/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	26.521	24.990			24.990	24.990	19.990	19.990	9.903	9.903	9.903		9.903		Văn phòng Tỉnh ủy Cà Mau
G	<b>KHỞI ĐĂNG, NHÀ NƯỚC</b>			866.129	807.845	13.227	13.227	759.376	705.628	347.504	317.504	300.594	276.846	283.671	15.882	9.057	283.671		
1	<b>Dự án chuyển tiếp</b>			802.289	744.005	13.227	13.227	695.536	641.788	346.172	316.172	266.594	242.846	255.516	15.882	3.212	255.516		
1	Trụ sở Huyện ủy Trần Văn Thời và các Ban Đảng	341	7435891	1846/QĐ-UBND ngày 11/12/2013	45.365	40.829	5.646	5.646	26.733	26.733	21.704	21.704	5.000	5.000	5.000		5.000		Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời
2	Trụ sở Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau	341	7580170	1788/QĐ-UBND ngày 19/10/2016	432.227	432.227			389.000	389.000	222.121	222.121	136.000	136.000	147.311	11.311	147.311	Thanh toán khối lượng thực hiện	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
3	Trụ sở hành chính thị trấn U Minh, huyện U Minh	341	7605693	313/QĐ-SXD ngày 28/10/2016	12.510	12.510			12.510	12.510	11.259	11.259	1.200	1.200	1.037		1.037	Đầu thầu giám giá	Ủy ban nhân dân huyện U Minh
4	Mở rộng Trụ sở Ban Tiếp công dân tỉnh Cà Mau	341	7655288	486/QĐ-SXD ngày 30/12/2017; 150/QĐ-SXD ngày 06/6/2019	6.186	6.186			2.500	2.500	2.400	2.400	3.500	3.500	3.500		3.500		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
5	Trụ sở hành chính xã Phú Thuận, huyện Phú Tân	341	7618945	350/QĐ-SXD ngày 29/8/2017	14.908	14.908			14.433	14.433	5.577	5.577	8.000	8.000	8.846	846	8.846	Thanh toán khối lượng thực hiện	Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
6	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở hành chính xã Phú Tân, huyện Phú Tân	341	7685901	363/QĐ-SXD ngày 30/10/2018	14.930	14.930			14.930	14.930	4.200	4.200	9.000	9.000	10.340	1.340	10.340	Thanh toán khối lượng thực hiện	Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
7	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc Huyện ủy U Minh	341	7607698	313/QĐ-SXD ngày 28/10/2016	8.616	8.616			7.833	7.833	4.200	4.200	3.500	3.500	3.500		3.500		Ủy ban nhân dân huyện U Minh

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư
			Số QĐ; ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn NSTT	Tăng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tăng (+)	Giảm (-)						
8	Trụ sở làm việc Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước	7699836	425/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	14.897	14.897			13.772	13.772	4.200	4.200	9.572	9.572	10.638	1.066		10.638	Thanh toán khối lượng thực hiện	Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
9	Trụ sở hành chính xã Đất Mới, huyện Năm Căn	7684552	424/QĐ-SXD ngày 31/10/2017	14.920	14.920			14.920	14.920	5.200	5.200	6.334	6.334	7.491	1.157		7.491	Thanh toán khối lượng thực hiện	Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn
10	Trụ sở hành chính xã Đông Thới, huyện Cái Nước	7659860	412/QĐ-SXD ngày 26/10/2017	14.485	14.485			14.485	14.485	6.612	6.612	7.500	7.500	7.662	162		7.662	Thanh toán khối lượng thực hiện	Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
11	Xây dựng các hạng mục công trình phụ Trụ sở làm việc Huyện ủy Ngọc Hiển	341 7682985	412/QĐ-SXD ngày 26/10/2017	7.285	7.285			7.285	7.285	5.200	5.200	1.740	1.740	740		1.000	740	Ước GPMB	Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
12	Trụ sở làm việc Đài Truyền thanh huyện Phú Tân	341 7653356	390/QĐ-SXD ngày 29/9/2017	4.554	4.554			4.554	4.554	2.200	2.200	2.000	2.000	2.000			2.000		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
13	Kho Lưu trữ chuyên dụng tỉnh Cà Mau	341 7358582	1066/QĐ-UBND ngày 05/7/2018	93.266	39.518	7.581	7.581	63.748	10.000	32.000	2.000	33.748	10.000	10.000			10.000		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
14	Công trình đầu tư xây dựng 03 Nhà nghỉ nội bộ Tỉnh ủy	341 7673320	1143/QĐ-UBND ngày 19/7/2018	39.309	39.309			36.415	36.415	10.149	10.149	9.500	9.500	9.500			9.500		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
15	Trụ sở làm việc Ban Dân tộc tỉnh Cà Mau	341 7618682	354/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	14.704	14.704			14.704	14.704	4.150	4.150	10.000	10.000	7.951		2.049	7.951	Giảm giá sau đấu thầu, đã hoàn thành đưa vào sử dụng	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
16	Trụ sở làm việc Sở Tài nguyên và Môi trường	341 7573814	1759/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	64.127	64.127			57.714	57.714	5.000	5.000	20.000	20.000	20.000			20.000		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
<b>II</b>	<b>Dự án khởi công mới năm 2020</b>			<b>63.840</b>	<b>63.840</b>	-	-	<b>63.840</b>	<b>63.840</b>	<b>1.332</b>	<b>1.332</b>	<b>34.000</b>	<b>34.000</b>	<b>28.155</b>	<b>0</b>	<b>5.845</b>	<b>28.155</b>		
1	Cải tạo, nâng cấp công trình Trụ sở hành chính xã Nguyễn Phích, huyện U Minh	341 7816947	315/QĐ-SXD ngày 18/10/2019	14.217	14.217			14.217	14.217			5.000	5.000	5.000			5.000		Ủy ban nhân dân huyện U Minh
2	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng Khu nhà ở trong Khu dịch vụ Làng nghề thuộc Công viên văn hóa - du lịch Mũi Cà Mau	341 7755813	119/QĐ-SXD ngày 14/3/2019	13.912	13.912			13.912	13.912			13.000	13.000	13.000			13.000		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
3	Trụ sở hành chính xã Lương Thế Trân, huyện Cái Nước	341 7720568	301/QĐ-SXD ngày 16/10/2018	13.701	13.701			13.701	13.701	570	570	4.000	4.000	4.000			4.000		Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
4	Trụ sở hành chính xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn	341 7749242	333/QĐ-SXD ngày 25/10/2019	14.758	14.758			14.758	14.758	762	762	6.000	6.000	6.000			6.000		Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn
5	Cải tạo công trình Trụ sở Sở Thông tin và Truyền thông thành trụ sở Trung tâm Giải quyết thủ tục hành chính	341 7790919	368/QĐ-SXD ngày 31/10/2019	7.252	7.252			7.252	7.252			6.000	6.000	155		5.845	155	Dừng thực hiện chủ trương cải tạo (CV số 3822/UBND-XD ngày 25/6/2020 của UBND tỉnh)	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
<b>H</b>	<b>QUỐC PHÒNG - AN NINH</b>			<b>122.740</b>	<b>102.740</b>	-	-	<b>116.066</b>	<b>96.066</b>	<b>42.519</b>	<b>42.519</b>	<b>66.400</b>	<b>46.400</b>	<b>45.650</b>	<b>0</b>	<b>750</b>	<b>45.650</b>		
<b>I</b>	<b>Dự án chuyển tiếp</b>			<b>104.854</b>	<b>84.854</b>	-	-	<b>99.969</b>	<b>79.969</b>	<b>41.569</b>	<b>41.569</b>	<b>58.400</b>	<b>38.400</b>	<b>37.650</b>	<b>0</b>	<b>750</b>	<b>37.650</b>		
1	Dự án đầu tư xây dựng Trường bán, Trao trường huấn luyện BCHQS tỉnh Cà Mau	7004686	1870/QĐ-TM ngày 28/11/2018	26.000	6.000			26.000	6.000			26.000	6.000	6.000			6.000		Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau
2	Trụ sở làm việc Công an xã trên địa bàn tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2016 - 2020	7004692	1671/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 871/QĐ-UBND ngày 22/5/2019	49.157	49.157			44.569	44.569	31.569	31.569	13.000	13.000	12.550		450	12.550	Giảm giá sau đấu thầu	Công an tỉnh Cà Mau
3	Dự án Camera giám sát giao thông và an ninh trật tự trên địa bàn tỉnh Cà Mau	7004692	1822/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	29.697	29.697			29.400	29.400	10.000	10.000	19.400	19.400	19.100		300	19.100	Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng	Công an tỉnh Cà Mau
<b>II</b>	<b>Dự án khởi công mới năm 2020</b>			<b>17.886</b>	<b>17.886</b>	-	-	<b>16.097</b>	<b>16.097</b>	<b>950</b>	<b>950</b>	<b>8.000</b>	<b>8.000</b>	<b>8.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>8.000</b>		
1	Dự án đầu tư xây dựng một số công trình tại các Trạm Kiểm soát Biên phòng Đă Bạc, Bô Đê, Hồ Gôi và Khánh Hội	7004686	1823/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	17.886	17.886			16.097	16.097	950	950	8.000	8.000	8.000			8.000		Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau
<b>I</b>	<b>VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ</b>			-	-	-	-	-	-	-	-	<b>6.606</b>	<b>6.606</b>	<b>5.806</b>	-	<b>800</b>	<b>5.806</b>		Sơ Kế hoạch và Đầu tư trình phân khai



TT	Danh mục đầu tư	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư
		Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tăng (+)	Giảm (-)						
1	Trụ sở làm việc Chi cục Bảo vệ môi trường và Trung tâm quan trắc môi trường tỉnh Cà Mau											51	51	51		51		Sở Tài nguyên và Môi trường
2	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Cái Nước											200	200	200		200		Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
3	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở hành chính xã Tân Hưng, huyện Cái Nước											400	400	400		400		Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
4	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông N1 (giai đoạn 2) Khu công nghiệp Khánh An											300	300	300		300		Ban Quản lý Khu kinh tế
5	Tuyến đường tránh chợ thị trấn U Minh, huyện U Minh (phần nền hạ tuyến đường)											800	800	800		800		Ủy ban nhân dân huyện U Minh
6	Cải tạo, nâng cấp Trụ sở hành chính xã Khánh Lâm, huyện U Minh											600	600	600		600		Ủy ban nhân dân huyện U Minh
7	Đoạn đường từ cầu Ông Khện xã Nguyễn Phích đến chợ Vàm Cái Tàu xã Khánh An, huyện U Minh											700	700	700		700		Ủy ban nhân dân huyện U Minh
8	Dự án đầu tư xây dựng trụ sở làm việc của Tỉnh ủy Cà Mau											800	800	0	800	0	Chờ thông qua phương án kiến trúc	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
9	Dự án đầu tư xây dựng bến xe khách xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển											155	155	155		155		Sở Giao thông vận tải
10	Trụ sở hành chính phường Tân Xuyên, thành phố Cà Mau											300	300	300		300		Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau
11	Cải tạo, mở rộng Trụ sở hành chính xã Tân Lộc, huyện Thới Bình											600	600	600		600		Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình
12	Cải tạo, mở rộng Trụ sở hành chính xã Tân Lộc Bắc, huyện Thới Bình											600	600	600		600		Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình
13	Cải tạo, mở rộng Trụ sở hành chính xã Tân Lộc Đông, huyện Thới Bình											600	600	600		600		Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình
14	Trụ sở hành chính xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời											500	500	500		500		Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời
K	VỐN LẬP QUY HOẠCH TỈNH CÀ MAU THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050											15.548	15.548	9.000	6.548	9.000	Đang thẩm định dự toán kinh phí	Sở Kế hoạch và Đầu tư
L	CHI TRẢ NỢ GỐC ĐẾN HẠN NĂM 2020											29.939	29.939	29.939		29.939		Sở Tài chính thực hiện thủ tục chi trả theo quy định

PHỤ LỤC II

ĐIỀU CHỈNH VÀ BỔ SUNG DANH MỤC KẾ HOẠCH VỐN XỔ SỞ KIẾN THIẾT NĂM 2020  
(Kèm theo Tờ trình số 97/TTr-UBND ngày 28/9/2020 của UBND tỉnh Cà Mau)



Đơn vị tính: Triệu đồng.

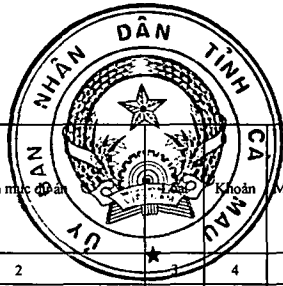
TT	Danh mục dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016 - 2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	Đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chức danh			
		Số QĐ, ngày, tháng làm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tăng (+)				Giảm (-)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20=(16+18)-19	21	22
<b>TỔNG SỐ</b>					9.871.366	2.759.625	673.492	203.163	3.699.690	2.274.159	1.444.868	795.391	1.474.729	900.485	900.485	81.641	81.641	900.485			
<b>A. LĨNH VỰC Y TẾ</b>					1.127.384	745.553	467.418	183.402	514.129	514.129	296.688	296.688	184.519	184.519	182.519	9.000	11.000	182.519			
<b>I. Dự án chuyển tiếp</b>					942.170	647.039	467.418	183.402	417.586	417.586	296.688	296.688	101.255	101.255	101.255	7.000	7.000	101.255			
1	Bệnh viện Điều dưỡng và Phục hồi chức năng	7146174	1625/QĐ-UBND ngày 31/10/2013; 1762/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	213.633	213.633	55.391	55.391	121.368	121.368	117.708	117.708	25.000	25.000	18.000		7.000	18.000	Vương GPMB	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng		
2	Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Cà Mau	7182289	1831/QĐ-UBND ngày 29/10/2009; 1025/QĐ-UBND ngày 27/02/2018; 1213/QĐ-UBND ngày 06/7/2020	488.025	192.894	412.027	128.011	69.167	69.167	62.167	62.167			7.000	7.000		7.000	Bổ sung danh mục và kế hoạch vốn thanh toán khối lượng thực hiện	Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng		
3	Trường Cao đẳng Y tế tỉnh Cà Mau	7562653	1865/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	48.407	48.407			43.566	43.566	33.816	33.816	4.255	4.255	4.255			4.255		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng		
4	Nhà Kỹ thuật nghiệp vụ kết hợp Khoa cấp cứu Bệnh viện đa khoa Cà Mau	7541537	1697/QĐ-UBND ngày 31/10/2015; 1777/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	105.907	105.907			105.907	105.907	62.697	62.697	32.000	32.000	32.000			32.000		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng		
5	Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Cà Mau thành đơn vị vệ tinh của Bệnh viện Ung Bướu giai đoạn 2016-2020	7684305	1766/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	86.198	86.198			77.578	77.578	20.300	20.300	40.000	40.000	40.000			40.000		Bệnh viện đa khoa Cà Mau		
<b>II. Dự án khởi công mới năm 2020</b>					185.214	98.514	0	0	96.543	96.543	0	0	83.264	83.264	81.264	2.000	4.000	81.264			
1	Dự án đầu tư xây dựng mô hình Bệnh viện Sản - Nhi Cà Mau làm vệ tinh cho Bệnh viện Từ Dũ giai đoạn 2016-2020	423	132	7757509	469/QĐ-UBND ngày 21/3/2019	8.863	8.863			8.863	8.863			8.000	8.000	8.000		8.000		Bệnh viện Sản - Nhi Cà Mau	
2	Dự án đầu tư xây dựng mô hình Bệnh viện Sản - Nhi Cà Mau làm vệ tinh cho Bệnh viện Nhi đồng 1 giai đoạn 2 (2016-2020)	423	132	7834487	1895/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	39.219	39.219			37.364	37.364			37.364	37.364	37.364		37.364		Bệnh viện Sản - Nhi Cà Mau	
3	Dự án đầu tư hệ thống chụp cắt lớp vi tính cho bệnh viện đa khoa Cà Mau			7790674	1881/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	40.016	40.016			40.016	40.016			30.000	30.000	32.000	2.000	32.000	Thanh toán khối lượng thực hiện	Bệnh viện đa khoa Cà Mau	
4	Công trình đầu tư xây dựng mở rộng nhà đặt máy DSA thành đơn vị can thiệp tim mạch			7780935	238/QĐ-SXD ngày 22/8/2019	2.116	2.116			2.000	2.000			1.900	1.900	1.900		1.900		Bệnh viện đa khoa Cà Mau	
5	Đổi ứng Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn (sử dụng vốn ODA của Ngân hàng Phát triển châu Á)				6689/QĐ-BYT ngày 02/11/2018	95.000	8.300			8.300	8.300			6.000	6.000	2.000	4.000	2.000	Qua rà soát, khả năng chi giải ngân 2.000 triệu đồng trong năm 2020	Sở Y tế	
<b>B. LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b>					443.731	443.731	-	-	437.898	437.898	107.024	107.024	241.271	241.271	246.666	6.250	855	246.666			
<b>I. Dự án chuyển tiếp</b>					179.242	179.242	0	0	175.754	175.754	107.024	107.024	50.542	50.542	55.547	5.600	595	55.547			
1	Trường Trung học cơ sở Bông Văn Dĩa, huyện Ngọc Hiển	.073	7746954	398/QĐ-SXD ngày 31/10/2018	12.565	12.565			11.677	11.677	7.977	7.977	3.700	3.700	3.700		3.700			Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển	
2	Trường THCS Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển	.073	7668335	421/QĐ-SXD ngày 30/10/2017	10.970	10.970			8.997	8.997	6.297	6.297	2.700	2.700	2.700		2.700			Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển	
3	Trường THCS Tân Lợi, xã Hồ Thị Kỳ, huyện Thới Bình	.073	7722036	282/QĐ-SXD ngày 27/9/2018	14.693	14.693			14.693	14.693	5.000	5.000	5.800	5.800	5.800		5.800			Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình	
4	Một số hạng mục công trình tại Trường THPT Sông Đốc, huyện Trần Văn Thời	.073	7707937	309/QĐ-SXD ngày 22/10/2018	14.864	14.864			14.864	14.864	12.000	12.000	1.805	1.805	1.805		1.805			Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO tỉnh Cà Mau	
5	Nâng cấp Trường THPT Trần Văn Thời đạt chuẩn quốc gia	.073	7707938	1775/QĐ-SXD ngày 30/10/2018; 1257/QĐ-UBND ngày 09/7/2020	30.071	30.071			30.071	30.071	14.000	14.000	6.600	6.600	11.600	5.000		11.600	Bổ sung vốn thanh toán khối lượng thực hiện	Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO tỉnh Cà Mau	

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lý do vốn bổ trợ từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016 - 2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)	Đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư
			Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tăng (+)	Giảm (-)						
6	Trường THPT Đám Dơi, huyện Đám Dơi	.073	110/QĐ-SXD ngày 22/10/2018; 114/QĐ-SXD ngày 10/5/2019	12.377	12.377			12.377	12.377	10.000	10.000	1.201	1.201	1.161		40	1.161	Đầu thầu giám giá	Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO tỉnh Cà Mau
7	Nâng cấp Trường THPT Huỳnh Phú Hồng, huyện Trần Văn Thời	.073	322/QĐ-SXD ngày 24/10/2018; 273/QĐ-SXD ngày 25/8/2020	13.302	13.302			13.302	13.302	11.000	11.000	1.329	1.329	1.929	600		1.929	Bổ sung vốn thanh toán khối lượng thực hiện	Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO tỉnh Cà Mau
8	Trường THCS Tân Hưng, huyện Cái Nước	.073	349/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	13.678	13.678			13.550	13.550	7.000	7.000	6.550	6.550	6.550			6.550		Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
9	Trường THCS Cái Nước, huyện Cái Nước	.073	365/QĐ-SXD ngày 30/10/2018	12.999	12.999			12.500	12.500	10.000	10.000	2.500	2.500	2.497		3	2.497	Quyết toán hoàn thành	Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
10	Trường Tiểu học - THCS Võ Thị Sáu, thị trấn Cái Nước, huyện Cái Nước	.073	372/QĐ-SXD ngày 30/10/2018	14.959	14.959			14.959	14.959	11.500	11.500	3.357	3.357	2.805		552	2.805	Quyết toán hoàn thành	Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
11	Trường Trung học cơ sở Hoàng Xuân Nhì, xã Nguyễn Phúc, huyện U Minh	.073	352/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	14.707	14.707			14.707	14.707	6.125	6.125	8.000	8.000	8.000			8.000		Ủy ban nhân dân huyện U Minh
12	Trường Trung học cơ sở Trần Ngọc Hy, xã Khánh Thuận, huyện U Minh	.073	353/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	14.057	14.057			14.057	14.057	6.125	6.125	7.000	7.000	7.000			7.000		Ủy ban nhân dân huyện U Minh
<b>II Dự án khởi công mới năm 2020</b>				<b>264.489</b>	<b>264.489</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>262.144</b>	<b>262.144</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>190.729</b>	<b>190.729</b>	<b>191.119</b>	<b>650</b>	<b>260</b>	<b>191.119</b>		
1	Trường TH-THCS Trần Thời, huyện Cái Nước	.073	341/QĐ-SXD ngày 28/10/2019	13.765	13.765			13.765	13.765			10.000	10.000	10.000			10.000		Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
2	Trường TH-THCS Đông Hưng, huyện Cái Nước	.073	321/QĐ-SXD ngày 24/10/2019	12.470	12.470			12.470	12.470			10.000	10.000	10.000			10.000		Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
3	Trường THCS Tam Giang Đông, huyện Năm Căn	.073	348/QĐ-SXD ngày 30/10/2019	11.980	11.980			11.980	11.980			6.900	6.900	6.900			6.900		Ủy ban nhân dân huyện Năm Căn
4	Trường THCS Bông Văn Dĩa, huyện Ngọc Hiển	.073	343/QĐ-SXD ngày 29/10/2019	3.937	3.937			3.937	3.937			3.500	3.500	3.500			3.500		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
5	Trường THCS xã Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển	.073	340/QĐ-SXD ngày 28/10/2019	5.949	5.949			5.949	5.949			5.400	5.400	5.400			5.400		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
6	Trường THCS xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển	.073	357/QĐ-SXD ngày 30/10/2019	10.946	10.946			10.946	10.946			5.000	5.000	5.000			5.000		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
7	Trường THCS Tân Phong, xã Tân Lộc Đông, huyện Thới Bình	.073	349/QĐ-SXD ngày 30/10/2019	14.701	14.701			14.701	14.701			13.000	13.000	13.000			13.000		Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình
8	Trường THCS Tân Phú, xã Tân Phú, huyện Thới Bình	.073	339/QĐ-SXD ngày 28/10/2019	14.960	14.960			14.960	14.960			13.000	13.000	13.000			13.000		Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình
9	Trường THCS thị trấn Thới Bình, huyện Thới Bình	.073	338/QĐ-SXD ngày 28/10/2019	14.970	14.970			14.970	14.970			13.000	13.000	13.000			13.000		Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình
10	Trường THCS Nguyễn Văn Tố, xã Nguyễn Phúc, huyện U Minh	.073	330/QĐ-SXD ngày 25/10/2019	8.925	8.925			8.925	8.925			4.000	4.000	4.000			4.000		Ủy ban nhân dân huyện U Minh
11	Trường TH-THCS Nguyễn Bình Khiêm, xã Khánh Lâm, huyện U Minh	.073	343/QĐ-SXD ngày 25/10/2019	14.950	14.950			14.950	14.950			5.000	5.000	5.000			5.000		Ủy ban nhân dân huyện U Minh
12	Trường THCS Tân Tiến, xã Tân Tiến, huyện Đầm Dơi	.073	320/QĐ-SXD ngày 24/10/2019	9.024	9.024			9.024	9.024			8.530	8.530	8.528		2	8.528	Giảm chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi
13	Trường THCS Thới Phong, xã Tạ An Khương Đông, huyện Đầm Dơi	.073	318/QĐ-SXD ngày 24/10/2019	8.065	8.065			8.065	8.065			6.928	6.928	6.786		142	6.786	Giảm chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán; chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi
14	Trường THCS Ngọc Chánh, xã Ngọc Chánh, huyện Đầm Dơi	.073	332/QĐ-SXD ngày 25/10/2019	9.815	9.815			9.815	9.815			7.600	7.600	7.558		42	7.558	Giảm chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán; chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi
15	Trường THCS Dương Thị Cẩm Vân, thị trấn Đầm Dơi, huyện Đầm Dơi	.073	337/QĐ-SXD ngày 28/10/2019	9.875	9.875			9.875	9.875			9.371	9.371	9.297		74	9.297	Giảm chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán; chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu	Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi
16	Trường THCS Phong Lạc, huyện Trần Văn Thời	.073	360/QĐ-SXD ngày 31/10/2019	8.997	8.997			8.997	8.997			8.000	8.000	8.000			8.000		Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời
17	Trường THCS 2 Lợi An, xã Lợi An, huyện Trần Văn Thời	.073	364/QĐ-SXD ngày 31/10/2019	7.819	7.819			7.819	7.819			7.000	7.000	7.000			7.000		Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời
18	Trường THCS Gò Công, xã Nguyễn Việt Khải, huyện Phú Tân	.073	352/QĐ-SXD ngày 30/10/2019	14.878	14.878			14.878	14.878			13.000	13.000	13.000			13.000		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
19	Trường THCS Mỹ Bình, xã Phú Tân, huyện Phú Tân	.073	358/QĐ-SXD ngày 31/10/2019	11.985	11.985			11.985	11.985			10.000	10.000	10.000			10.000		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
20	Trường THPT Phan Ngọc Hiển, huyện Năm Căn	.073	1896/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	23.443	23.443			21.098	21.098			10.000	10.000	10.000			10.000		Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đề giải ngân trong giai đoạn 2016 - 2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)		Đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư
			Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tăng (+)	Giảm (-)					
21	Trường THPT Võ Thị Hồng, huyện Trần Văn Thời	073/17898	26/QĐ-SXD ngày 24/10/2019	14.976	14.976			14.976	14.976			8.000	8.000	8.000			8.000		Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO	
22	Trường THPT Huỳnh Phi Hùng, huyện Trần Văn Thời	073/1479	26/QĐ-SXD ngày 25/10/2019; 274/QĐ-SKD ngày 25/8/2020	5.432	5.432			5.432	5.432			4.500	4.500	5.150	650		5.150	Bổ sung thanh toán khối lượng thực hiện	Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO	
23	Trường THPT Thái Thanh Hòa, huyện Đầm Dơi	073/770177	322/QĐ-SXD ngày 24/10/2019	12.627	12.627			12.627	12.627			9.000	9.000	9.000			9.000		Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO	
<b>C. LINH VỰC VĂN HÓA - XÃ HỘI</b>				<b>335.906</b>	<b>181.515</b>	<b>21.780</b>	<b>19.761</b>	<b>287.182</b>	<b>146.930</b>	<b>53.354</b>	<b>53.354</b>	<b>62.489</b>	<b>45.800</b>	<b>56.800</b>	<b>18.000</b>	<b>7.000</b>	<b>56.800</b>			
<b>I. Dự án chuyên tiếp</b>				<b>238.694</b>	<b>114.555</b>	<b>21.780</b>	<b>19.761</b>	<b>189.970</b>	<b>79.970</b>	<b>53.354</b>	<b>53.354</b>	<b>11.600</b>	<b>11.600</b>	<b>21.100</b>	<b>9.500</b>	<b>0</b>	<b>21.100</b>			
1	Trung tâm Văn hóa Thể thao huyện Phú Tân (giai đoạn I)	7275587	1659/QĐ-UBND ngày 29/10/2010	39.977	39.977	19.761	19.761	20.216	20.216	15.430	15.430	4.700	4.700	4.700			4.700		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân	
2	Nâng cấp, mở rộng Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần tỉnh Cà Mau	7618944	1813/QĐ-UBND ngày 31/10/2017	18.210	18.210			16.389	16.389	11.449	11.449	4.900	4.900	4.900			4.900		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
3	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử địa điểm chứng tích tội ác Mỹ Ngụy ở Biệt khu Hải Yên - Bình Hưng	7258703	1626/QĐ-UBND ngày 31/10/2013	46.868	46.868	2.019	-	43.365	43.365	26.475	26.475	2.000	2.000	2.000			2.000		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
4	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng Diêm đọt lịch Đốt Mũi thuộc Khu du lịch quốc gia Mũi Cà Mau	7560286	542/QĐ-UBND ngày 30/3/2016; 1270/QĐ-UBND ngày 31/7/2019; 1668/QĐ-UBND ngày 03/9/2020	133.639	9.500			110.000						9.500	9.500		9.500	Bổ sung danh mục và bổ sung vốn thanh toán khối lượng thực hiện	Ban Quản lý dự án công trình Giao thông	
<b>II. Dự án khởi công mới năm 2020</b>				<b>97.212</b>	<b>66.960</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>97.212</b>	<b>66.960</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>50.889</b>	<b>34.200</b>	<b>35.700</b>	<b>8.500</b>	<b>7.000</b>	<b>35.700</b>			
1	Dự án đầu tư mua sắm xe truyền hình lưu động chuẩn HD của Đài Phát thanh - Truyền hình Cà Mau	7817027	1882/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	29.875	20.700			29.875	20.700			10.700	10.700	10.700			10.700		Đài Phát thanh - Truyền hình Cà Mau	
2	Tu bổ, chỉnh trang, nâng cấp Đền thờ Vua Hùng tại xã Tân Phú, huyện Thới Bình	7807092	1901/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	29.260	29.260			29.260	29.260			15.000	15.000	8.000	7.000	8.000	8.000	Qua rà soát, khả năng giải ngân trong năm 2020 khoảng 08 tỷ đồng	Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình	
3	Công trình cải tạo, nâng cấp Tượng đài Khởi nghĩa Hòn Khoai, huyện Năm Căn	7796342	472/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	12.184	8.500			12.184	8.500			12.189	8.500	8.500			8.500		Hồ trợ ngân sách huyện Năm Căn	
4	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng Khu nhà ở trong Khu du lịch Lăng nghề thuộc Công viên Văn hóa - Du lịch Mũi Cà Mau	341/7755813	119/QĐ-SXD ngày 14/5/2019; 1363/QĐ-UBND ngày 22/7/2020	25.893	8.500			25.893	8.500			13.000		8.500	8.500		8.500	Bổ sung danh mục và bổ sung vốn thanh toán khối lượng thực hiện	Ban Quản lý dự án công trình Giao thông	
<b>D. LINH VỰC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI</b>				<b>489.699</b>	<b>437.229</b>	<b>5.802</b>	<b>-</b>	<b>412.439</b>	<b>403.981</b>	<b>200.926</b>	<b>192.468</b>	<b>121.900</b>	<b>121.900</b>	<b>124.943</b>	<b>7.486</b>	<b>4.443</b>	<b>124.943</b>			
<b>a) Dự án chuyên tiếp</b>				<b>300.162</b>	<b>247.692</b>	<b>5.802</b>	<b>-</b>	<b>240.368</b>	<b>231.910</b>	<b>199.627</b>	<b>191.169</b>	<b>29.900</b>	<b>29.900</b>	<b>29.943</b>	<b>1.786</b>	<b>1.743</b>	<b>29.943</b>			
1	Tuyến đường 616 đến trung tâm xã Khánh An, huyện U Minh (đoạn từ Cây Khô đến Trường THCS Nguyễn Văn Tố)	7007534	614/QĐ-UBND ngày 08/4/2014	126.362	73.892	5.802	-	73.892	73.892	73.892	73.892	8.000	8.000	8.000			8.000		Ủy ban nhân dân huyện U Minh	
2	Công trình đầu tư xây dựng mặt đường đoạn từ cầu Kênh Năm đến cầu Thanh Tùng thuộc tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn	7664663	1816/QĐ-UBND ngày 31/10/2017; 906/QĐ-UBND ngày 30/5/2019	28.976	28.976			26.078	26.078	21.669	21.669	2.900	2.900	3.286	386		3.286	Thanh toán khối lượng thực hiện	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
3	Tuyến đường từ trung tâm xã Phong Điền đến Đầm Thị Tường, huyện Trần Văn Thời	7610805	1805/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	44.258	44.258			39.832	39.832	24.200	24.200	7.000	7.000	5.257	1.743		5.257	Vướng GPMB cầu Lưng Trướng	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
4	Dự án đầu tư xây dựng mới 03 cầu (cầu Xi Tơ, cầu Trung Đới và cầu Công An) trên tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Hàng Vĩnh, huyện Năm Căn	7562293	1805/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	46.165	46.165			46.165	46.165	41.408	41.408			1.400	1.400		1.400	Hoàn trả tạm ứng ngân sách	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
5	Cầu qua sông Cái Đồi Vàm, huyện Phú Tân	7603197	1162/QĐ-UBND ngày 30/6/2017	54.401	54.401			54.401	45.943	38.458	30.000	12.000	12.000	12.000			12.000		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
<b>b) Dự án khởi công mới năm 2020</b>				<b>189.537</b>	<b>189.537</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>172.071</b>	<b>172.071</b>	<b>1.299</b>	<b>1.299</b>	<b>92.000</b>	<b>92.000</b>	<b>95.000</b>	<b>5.700</b>	<b>2.700</b>	<b>95.000</b>			
1	Cầu bắc ngang sông Cái Tàu, huyện U Minh	7596751	1863/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	88.954	88.954			80.058	80.058	412	412	30.000	30.000	32.700	2.700		32.700	Thanh toán khối lượng thực hiện	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
2	Cầu Xóm Ruộng, huyện Đầm Dơi	7636415	1808/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	34.520	34.520			31.068	31.068	429	429	20.000	20.000	17.300	2.700		17.300	Vận động người dân di dời (không chi trả GPMB)	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
3	Cầu Cơi Năm và cầu Kênh Đứng, huyện Trần Văn Thời	7652205	1758/QĐ-UBND ngày 24/10/2017	26.425	26.425			23.782	23.782	458	458	14.000	14.000	14.000			14.000		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	

TT	Danh mục dự án	Loại	Khoản	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư				Lấy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm 2015		Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2019		Kế hoạch vốn năm 2020 đã bố trí		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2020 (từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2021)		Đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư
					Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tăng (+)	Giảm (-)						
																		Tăng (+)	Giảm (-)				
4	Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng tuyến đường Kênh T21 (đoạn từ cầu kênh T21 đến đến cầu cống Khố Điền Đam), huyện U Minh				1357/QĐ-UBND ngày 13/8/2019	24.742	24.742			22.267	22.267			19.000	19.000	19.000			19.000			Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
5	Cầu Đình Hạng trên tuyến đường ở tuyến trung xã Tân An, huyện Ngọc Hiển				101/QĐ-SGTVT ngày 30/10/2019	14.896	14.896			14.896	14.896			9.000	9.000	12.000	3.000		12.000	Thanh toán khối lượng thực hiện		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển	
<b>E LINH VỰC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU</b>						2.404.021	342.914	30.000		1.212.830	313.272	518.005	101.832	680.852	138.797	134.667	10.905	15.035	134.667				
<i>a) Dự án chuyển tiếp</i>						2.385.319	324.212	30.000	0	1.194.128	294.570	518.005	101.832	662.816	120.761	116.433	10.672	15.000	116.433				
1	Dự án đầu tư xây dựng Khu neo đậu tránh trú cho tàu cá kết hợp bán cá Khánh Hội, huyện U Minh			7027480	1614/QĐ-UBND ngày 20/9/2019; 745/QĐ-UBND ngày 07/5/2020	134.163	21.048			54.889	19.354			54.835	19.300	19.300			19.300			Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn	
2	Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững năm 2019 và năm 2020		Nhiều công trình		515/QĐ-UBND ngày 28/3/2019; 1900/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	80.440	6.198			6.198	6.198			6.000	6.000	6.000			6.000			Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, trình UBND tỉnh quyết định phân khai sử dụng	
3	Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản Tiểu vùng II, III, V - Cà Mau	280	283	7643016	4423/QĐ-BNN-XD ngày 30/10/2017	500.000	21.000			474.000	21.000	210.531	9.000	192.000	12.000	12.000			12.000			Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
4	Dự án hạ tầng thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản Tân Duyệt, huyện Đầm Dơi	280	283	7067082	1439/QĐ-BNN-TCTS ngày 27/6/2013; 3202/QĐ-BNN-KH ngày 31/7/2017	200.848	29.948					15.430	10.000	9.950	9.950	9.950			9.950			Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
5	Đổi ứng Dự án Bảo vệ và phát triển rừng ngập mặn tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2015 - 2020	280	282	7536253	1359/QĐ-UBND ngày 28/8/2018	90.265		30.000		51.378	2.000	51.212		2.000	2.000	2.000			2.000			Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
6	Đổi ứng Tiểu Dự án 8: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng để phòng, chống xói lở bờ biển, cung cấp nước ngọt và phục vụ nuôi tôm - rừng vùng ven biển tỉnh Cà Mau thuộc Dự án "Chống chịu khí hậu tổng hợp và sinh kế bền vững DBSCL - ICRSL"	280	284	7605935	1693/QĐ-BNN ngày 09/5/2016	792.883	90.000			341.645	90.000	7.143	7.143	237.120	22.000	14.000	8.000		14.000	Do chưa phê duyệt TKBVTC hồ chứa nước ngọt		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
7	Đổi ứng Dự án "Tăng cường khả năng chống chịu với những tác động của biến đổi khí hậu cho các cộng đồng dễ bị tổn thương ven biển Việt Nam" do Quỹ Khí hậu xanh tài trợ không hoàn trả theo Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc	280	283	7692036	479/QĐ-UBND ngày 21/3/2018; 1955/QĐ-UBND ngày 05/11/2019	81.587	1.983			1.983	1.983	689	689	511	511	611	100		611	Thanh toán khối lượng thực hiện		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
8	Dự án đầu tư xây dựng Kè cấp bách tại Tân Thuận, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau			7296707	545/QĐ-UBND ngày 30/3/2016; 1819/QĐ-UBND ngày 30/12/2017	234.955	64.651			64.651	64.651	78.000	30.000	140.400	29.000	29.000			29.000			Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT	
9	Dự án xây dựng kè cấp bách bảo vệ bờ biển Đống khu vực cửa biển Rạch Gốc, cửa biển Vàm Xcây, huyện Ngọc Hiển	280	283	7723473	1117/QĐ-UBND ngày 08/7/2019	134.384	24.384			134.384	24.384	110.000				10.572	10.572		10.572	Bổ sung danh mục và bổ sung vốn thanh toán khối lượng thực hiện		Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT	
10	Các dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư trên địa bàn các huyện ven biển tỉnh Cà Mau				Các Quyết định	135.794	65.000			65.000	65.000	45.000	45.000	20.000	20.000	13.000	0	7.000	13.000				
<i>Trong đó:</i>																							
10.1	Dự án đầu tư xây dựng Khu tái định cư xã Tam Giang Đông, huyện Năm Căn			7084308	1682/QĐ-UBND ngày 29/10/2010	46.985	17.665	19.392		17.665	17.665	12.665	12.665	5.000	5.000	5.000			5.000			Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT	
10.2	Dự án đầu tư xây dựng công trình Khu tái định cư rừng phòng hộ biển Tây, huyện Trần Văn Thời			7006177	1340/QĐ-UBND ngày 06/8/2009	72.711	72.711	18.583		27.050	27.050	12.050	12.050	15.000	15.000	8.000		7.000	8.000	Dự kiến trong năm 2020 chi giải ngân khoảng 08 tỷ đồng		Ban Quản lý dự án công trình Nông nghiệp và PTNT	
<i>b) Dự án khởi công mới năm 2020</i>						18.702	18.702	-	-	18.702	18.702	-	-	18.036	18.036	18.234	233	35	18.234				
1	Công trình xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung xã Hiệp Tân, huyện Năm Căn	280	311	7778006	244/QĐ-SXD ngày 28/8/2019	14.440	14.440			14.440	14.440			13.842	13.842	14.075	233	0	14.075	Bổ sung vốn để thanh toán khối lượng thực hiện		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
2	Công trình nâng cấp, cải tạo công trình cấp nước tại Tru sở Vườn Quốc gia U Minh hạ và lắp đặt mới tuyến ống kênh T19	280	311	7753193	72/QĐ-SXD ngày 04/4/2019	4.262	4.262			4.262	4.262			4.194	4.194	4.159		35	4.159	Đã hoàn thành		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
<b>G CÁC DỰ ÁN QUAN TRỌNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG</b>						686.264	608.683	148.492	-	472.966	95.703	225.253	407	114.782	99.782	129.639	30.000	143	129.639				
<i>a) Dự án chuyển tiếp</i>						627.847	550.306	148.492	-	417.263	40.000	224.846	-	78.429	63.429	75.286	12.000	143	75.286				

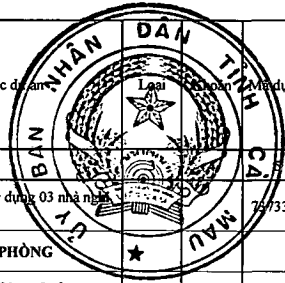




**PHỤ LỤC III**  
**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG DO TỈNH QUẢN LÝ NĂM 2019 CHUYỂN SANG NĂM 2020**  
*(Kèm theo Tờ trình số 97/TT-UBND ngày 28/9/2020 của UBND tỉnh Cà Mau)*

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Đanh mục Đầu tư	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lý do vốn đã giải ngân từ đầu đến hết năm 2015	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020 (từ ngày 01/02/2020 đến ngày 31/12/2020)	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư	
			Số QĐ; ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn NSTT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Tăng (+)	Giảm (-)				
1	2	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19=(15+17)-18	20	21
<b>TỔNG SỐ</b>					297.576	282.308	0	120.023	120.023	101.718	101.718	23.309	23.309	23.309	2.814	2.814	23.309		
<b>A</b>	<b>GIAO THÔNG</b>				26.260	26.260	0	25.291	25.291	4.412	4.412	2.667	2.667	5.122	2.684	229	5.122		
<i>I</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>				2.849	2.849	0	1.880	1.880	1.430	1.430	450	450	221	0	229	221		
1	Tiểu dự án GPMB và rà phá bom mìn, vật nổ phục vụ xây dựng các cầu dân sinh trên địa bàn tỉnh Cà Mau, thuộc Dự án LRAMP	7737506	622/QĐ-BGTVT ngày 02/3/2016	2.849	2.849	0	1.880	1.880	1.430	1.430	450	450	221	229	221	229	221	Đã thực hiện hoàn thành rà phá bom mìn và kết thúc Dự án Lramp giai đoạn 1	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông
<i>II</i>	<i>Dự án khởi công mới năm 2019</i>				23.411	23.411	0	23.411	23.411	2.982	2.982	2.217	2.217	4.901	2.684	0	4.901		
1	Tuyến đường bờ Tây kênh Kiếm Lâm, thị trấn Cái Đoi Vàm, huyện Phú Tân	7685902	382/QĐ-SXD ngày 30/10/2018; 186/QĐ-UBND ngày 29/6/2020	23.411	23.411	0	23.411	23.411	2.982	2.982	2.217	2.217	4.901	2.684	4.901	2.684	4.901	Thanh toán khối lượng thực hiện và chi trả GPMB	Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
<b>C</b>	<b>HẠ TẦNG ĐÓ THỊ</b>				23.556	23.556	0	11.790	11.790	10.006	10.006	78	78	78	0	0	78		
<i>I</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>				23.556	23.556	0	11.790	11.790	10.006	10.006	78	78	78	0	0	78		
1	Tuyến đường Nam Kỳ Khởi nghĩa, thị trấn Cái Đoi Vàm, huyện Phú Tân	7608568	273/QĐ-SXD ngày 11/10/2016	8.694	8.694	0	7.932	7.932	7.604	7.604	75	75	75	75	75	75	75		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân
2	Dự án đầu tư xây dựng đường đầu nối Quốc lộ 1A vào dự án khu dân cư phía Đông Quốc lộ 1A (Khu A), xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau	292	7598225	277/QĐ-SXD ngày 14/10/2016	14.862	14.862	0	3.858	3.858	2.402	2.402	3	3	3	3	3	3		Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau
<b>D</b>	<b>KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, MÔI TRƯỜNG, THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG</b>				6.928	6.928	0	6.928	6.928	2.285	2.285	4.076	4.076	3.017	0	1.059	3.017		
<i>I</i>	<i>Dự án khởi công mới năm 2019</i>				6.928	6.928	0	6.928	6.928	2.285	2.285	4.076	4.076	3.017	0	1.059	3.017		
1	Dự án "Tăng cường đầu tư hiện đại hóa các trang thiết bị kỹ thuật phục vụ công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Cà Mau, giai đoạn 2018-2020"	7738768	1773/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	6.928	6.928	0	6.928	6.928	2.285	2.285	4.076	4.076	3.017	1.059	3.017	1.059	3.017	Do thay đổi thiết bị mua sắm có giá trị thấp hơn	Sở Tài nguyên và Môi trường
<b>E</b>	<b>KHÔI ĐĂNG, NHÀ NƯỚC</b>				67.894	67.894	0	64.715	64.715	32.972	32.972	1.881	1.881	2.011	130	0	2.011		
<i>I</i>	<i>Dự án khởi công mới năm 2019</i>				67.894	67.894	0	64.715	64.715	32.972	32.972	1.881	1.881	2.011	130	0	2.011		
1	Trụ sở hành chính phường 1, thành phố Cà Mau	361	7619588	142/QĐ-SXD ngày 17/3/2017	13.558	13.558	0	13.558	13.558	11.530	11.530	590	590	590	590	590	590		Ủy ban nhân dân thành phố Cà Mau
2	Hội trường và Khối đoàn thể xã Quách Phẩm, huyện Đầm Dơi	341	7724751	400/QĐ-SXD ngày 31/10/2018	7.742	7.742	0	7.742	7.742	7.240	7.240	293	293	423	130	423	423	Thanh toán khối lượng thực hiện	Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi
3	Xây dựng các hạng mục công trình phụ Trụ sở làm việc Huyện ủy Ngọc Hiển	7682985	423/QĐ-SXD ngày 31/10/2017	7.285	7.285	0	7.000	7.000	4.254	4.254	746	746	746	746	746	746	746		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển



TT	Đanh mục đầu tư	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu đến hết năm 2015	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020 (từ ngày 01/02/2020 đến ngày 31/12/2020)	Điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư	
			Số QĐ: ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn NSTT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NSTT		Tăng (+)	Giảm (-)				
1	2		6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19=(15+17)-18	20	21	
4	Công trình đầu tư xây dựng 03 nhà nghỉ nội bộ Tỉnh ủy	79/3320	1143/QĐ-UBND ngày 19/7/2018	39.309	39.309	0	36.415	36.415	9.948	9.948	252	252	252			252		Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng	
<b>G AN NINH - QUỐC PHÒNG</b>					<b>172.938</b>	<b>157.670</b>	<b>0</b>	<b>11.299</b>	<b>11.299</b>	<b>52.044</b>	<b>52.044</b>	<b>14.607</b>	<b>14.607</b>	<b>13.081</b>	<b>0</b>	<b>1.526</b>	<b>13.081</b>		
1	Các dự án do Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau làm chủ đầu tư			<b>161.462</b>	<b>146.194</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>42.266</b>	<b>42.266</b>	<b>13.125</b>	<b>13.125</b>	<b>11.599</b>	<b>0</b>	<b>1.526</b>	<b>11.599</b>			
<i>a) Dự án chuyển tiếp</i>					<i>161.462</i>	<i>146.194</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>42.266</i>	<i>42.266</i>	<i>13.125</i>	<i>13.125</i>	<i>11.599</i>	<i>0</i>	<i>1.526</i>	<i>11.599</i>		
1	Sở Chỉ huy thống nhất, tỉnh Cà Mau	7004686	1969/QĐ-UBND ngày 30/12/2014	130.927	130.927				29.801	29.801	11.599	11.599	11.599			11.599		Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau	
2	Trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự huyện Năm Căn	7004686	4096/QĐ-BQP ngày 24/10/2013	30.535	15.267				12.465	12.465	1.526	1.526	0	1.526	0	0	Hoàn thành	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Cà Mau	
2	Các công trình do Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau làm chủ đầu tư			<b>11.476</b>	<b>11.476</b>	<b>0</b>	<b>11.299</b>	<b>11.299</b>	<b>9.778</b>	<b>9.778</b>	<b>1.482</b>	<b>1.482</b>	<b>1.482</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>1.482</b>			
<i>a) Dự án chuyển tiếp</i>					<i>6.480</i>	<i>6.480</i>	<i>0</i>	<i>6.439</i>	<i>6.439</i>	<i>5.653</i>	<i>5.653</i>	<i>746</i>	<i>746</i>	<i>746</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>746</i>		
1	Xây dựng mới Trạm Kiểm soát Biên phòng Rạch Tàu/Đồn Biên phòng Đất Mũi	7004686	1485/QĐ-UBND ngày 08/10/2015	6.480	6.480		6.439	6.439	5.653	5.653	746	746	746			746		Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau	
<i>b) Dự án khởi công mới năm 2019</i>					<i>4.996</i>	<i>4.996</i>	<i>0</i>	<i>4.860</i>	<i>4.860</i>	<i>4.124</i>	<i>4.124</i>	<i>736</i>	<i>736</i>	<i>736</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>736</i>		
1	Xây dựng mới Trạm Kiểm soát Biên phòng Hương Mai/Đồn Biên phòng Khánh Tiên	7004686	1481/QĐ-UBND ngày 08/10/2015	4.996	4.996		4.860	4.860	4.124	4.124	736	736	736			736		Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh Cà Mau	





**PHỤ LỤC IV**  
**ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN XỔ SỞ KIẾN THIẾT NĂM 2019 CHUYỂN SANG NĂM 2020**

*(Kèm theo Tờ trình số 97/Tr-UBND ngày 28/9/2020 của UBND tỉnh Cà Mau)*

*Đơn vị tính: Triệu đồng.*

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu năm 2015 đến hết năm 2019	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020 (từ ngày 01/02/2020 đến ngày 31/12/2020)	Đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư			
			Số QĐ, ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Tăng (+)	Giảm (-)						
														19=(15+17)-18	20				21		
	<b>TỔNG SỐ</b>					1.517.520	616.519	0	1.092.077	579.077	638.928	368.370	46.661	46.661	46.661	972	972	46.661		20	21
<b>A</b>	<b>LĨNH VỰC Y TẾ</b>					240.512	240.512	0	227.051	227.051	91.038	91.038	31.810	31.810	31.810	0	0	31.810			
<i>I</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>					154.314	154.314	0	149.473	149.473	90.001	90.001	12.547	12.547	12.547	0	0	12.547			
1	Trường Cao đẳng Y tế tỉnh Cà Mau		7562653	1865/QĐ-UBND ngày 28/10/2016		48.407	48.407		43.566	43.566	27.304	27.304	1.722	1.722	1.722			1.722			Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
2	Nhà Kỹ thuật nghiệp vụ kết hợp Khoa cấp cứu Bệnh viện đa khoa Cà Mau		7541537	1777/QĐ-UBND ngày 30/10/2018		105.907	105.907	0	105.907	105.907	62.697	62.697	10.825	10.825	10.825			10.825			Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
<i>II</i>	<i>Dự án khởi công mới năm 2019</i>					86.198	86.198	0	77.578	77.578	1.037	1.037	19.263	19.263	19.263	0	0	19.263			
1	Đề án xây dựng các bệnh viện tỉnh (Bệnh viện đa khoa Cà Mau và Bệnh viện Sản - Nhi) làm vệ tinh các bệnh viện TP.HCM giai đoạn 2016 - 2020					86.198	86.198		77.578	77.578	1.037	1.037	19.263	19.263	19.263			19.263			
	<i>Trong đó:</i>																				
<i>I.1</i>	<i>Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện đa khoa Cà Mau thành đơn vị vệ tinh của Bệnh viện Ung Bướu giai đoạn 2016-2020</i>		7684305	1766/QĐ-UBND ngày 30/10/2018		86.198	86.198		77.578	77.578	1.037	1.037	19.263	19.263	19.263			19.263			Bệnh viện đa khoa Cà Mau
<b>B</b>	<b>LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b>					174.479	174.479	0	164.229	164.229	142.510	134.952	5.348	5.348	5.707	415	56	5.707			
<i>I</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>					74.344	74.344	0	69.130	69.130	66.341	58.783	816	816	760	0	56	760			
1	Trụ sở Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Cà Mau		7536929	1601/QĐ-UBND ngày 23/10/2015 và quyết định (điều chỉnh) số 914/QĐ-UBND ngày 31/5/2019		48.444	48.444		48.131	48.131	45.868	38.310	172	172	172			172			Ban Quản lý dự án công trình Xây dựng
2	Trường THCS Trần Quốc Toàn, xã Thanh Phú, huyện Cái Nước	073	7679835	428/QĐ-SXD ngày 31/10/2017		14.930	14.930	0	14.500	14.500	13.675	13.675	442	442	386		56	386	Quyết toán hoàn thành		Ủy ban nhân dân huyện Cái Nước
3	Trường THCS Tam Giang Tây, huyện Ngọc Hiển	073	7668335	421/QĐ-SXD ngày 30/10/2017		10.970	10.970		6.499	6.499	6.798	6.798	202	202	202			202			Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển
<i>II</i>	<i>Dự án khởi công mới năm 2019</i>					100.135	100.135	0	95.099	95.099	76.169	76.169	4.532	4.532	4.947	415	0	4.947			
1	Xây dựng 06 phòng học tại Trường THPT Viên An, huyện Ngọc Hiển	070	074	7707936	307/QĐ-SXD 19/10/2018	7.178	7.178		7.178	7.178	6.516	6.516	170	170	398	228		398	Thanh toán khối lượng thực hiện		Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO tỉnh Cà Mau
2	Nâng cấp Trường THPT Huỳnh Phi Hùng, huyện Trần Văn Thời			7710188	322/QĐ-SXD ngày 24/10/2018	13.272	13.272		13.272	13.272	10.745	10.745	255	255	255			255			Ban Quản lý dự án các dự án ODA và NGO tỉnh Cà Mau
3	Trường Trung học cơ sở Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời			7742165	334/QĐ-SXD ngày 25/10/2018	11.448	11.448		11.448	11.448	9.576	9.576	786	786	786			786			Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời
4	Trường Trung học cơ sở Quách Phẩm Bắc, huyện Đầm Dơi		073	7748378	399/QĐ-SXD 31/10/2018	14.961	14.961	0	14.500	14.500	14.437	14.437	63	63	250	187		250	Thanh toán khối lượng thực hiện		Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi
5	Xây dựng sửa chữa Trường Trung học cơ sở xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển			7725814	348/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	5.485	5.485		4.810	4.810	3.194	3.194	1.000	1.000	1.000			1.000			Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển

TT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định phê duyệt đầu tư			Lũy kế vốn đã giải ngân từ đầu năm 2015	Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020		Đã giải ngân trong giai đoạn 2016-2019		Kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020		Ước giải ngân kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020 (từ ngày 01/02/2020 đến ngày 31/12/2020)	Đề xuất điều chỉnh kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020		Kế hoạch vốn năm 2019 chuyển sang năm 2020 sau điều chỉnh	Nguyên nhân, lý do điều chỉnh kế hoạch vốn	Chủ đầu tư	
			Số QĐ; ngày, tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: vốn XSKT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Tăng (+)	Giảm (-)				
6	Trường Trung học cơ sở Đồng Tâm, huyện Ngọc Hiển	7746954	398/QĐ-SXD ngày 31/10/2018	12.564	12.564		9.800	9.800	7.977	7.977	23	23	23			23		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển	
7	Trường THCS Đặng Tấn Triều, xã Phú Thuận, Huyện Phú Tân	7724329	298/QĐ-UBND ngày 16/10/2018	11.190	11.190		10.596	10.596	10.000	10.000	451	451	451			451		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân	
8	Trường THCS Việt Khái, xã Nguyễn Văn Khái, huyện Phú Tân	7724328	314/QĐ-SXD ngày 23/10/2018	9.925	9.925		9.383	9.383	9.000	9.000	383	383	383			383		Ủy ban nhân dân huyện Phú Tân	
9	Trường Trung học cơ sở Trần Ngọc Hy, xã Khánh Thuận, huyện U Minh	7741355	353/QĐ-SXD ngày 29/10/2018	14.112	14.112		14.112	14.112	4.724	4.724	1.401	1.401	1.401			1.401		Ủy ban nhân dân huyện U Minh	
<b>C</b>	<b>LĨNH VỰC XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU</b>			<b>1.102.529</b>	<b>201.528</b>	<b>0</b>	<b>700.797</b>	<b>187.797</b>	<b>405.380</b>	<b>142.380</b>	<b>9.503</b>	<b>9.503</b>	<b>9.144</b>	<b>557</b>	<b>916</b>	<b>9.144</b>			
<b>I</b>	<b>Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng xây dựng nông thôn mới</b>					<b>0</b>	<b>142.049</b>	<b>142.049</b>	<b>113.042</b>	<b>113.042</b>	<b>6.093</b>	<b>6.093</b>	<b>5.875</b>	<b>557</b>	<b>775</b>	<b>5.875</b>			
<i>a)</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>			<i>170.237</i>	<i>115.865</i>	<i>0</i>	<i>106.849</i>	<i>106.849</i>	<i>89.953</i>	<i>89.953</i>	<i>4.982</i>	<i>4.982</i>	<i>4.764</i>	<i>557</i>	<i>775</i>	<i>4.764</i>			
1	Tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Khánh An, huyện U Minh (đoạn từ Cây Khô đến Trường THCS Nguyễn Văn Tố)	7007534	614/QĐUBND ngày 08/4/2014	126.362	71.990		71.990	71.990	62.215	62.215	775	775	0		775	0	Cát hợp đồng với nhà thầu	Ủy ban nhân dân huyện U Minh	
2	Tuyến đường đầu nối từ cầu qua sông Rạch Cốc đến cầu Nhà Diêu, xã Tân An, huyện Ngọc Hiển	7665156	579/QĐ-SGTVT ngày 30/10/2017	14.899	14.899		10.290	10.290	10.290	10.290	121	121	121			121		Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hiển	
3	Công trình đầu tư xây dựng mặt đường đoạn từ cầu Kênh Năm đến cầu Thanh Tùng thuộc tuyến đường ô tô đến trung tâm xã Hiệp Tùng, huyện Năm Căn	7664663	906/QĐ-UBND ngày 30/05/2019	28.976	28.976		24.569	24.569	17.448	17.448	4.086	4.086	4.643	557		4.643	Thanh toán khối lượng thực hiện	Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
<i>b)</i>	<i>Dự án khởi công mới năm 2019</i>			<i>44.258</i>	<i>39.915</i>	<i>0</i>	<i>35.200</i>	<i>35.200</i>	<i>23.089</i>	<i>23.089</i>	<i>1.111</i>	<i>1.111</i>	<i>1.111</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>1.111</i>			
1	Tuyến đường từ trung tâm xã Phong Điền đến Đầm Thị Tường, huyện Trần Văn Thời	7610805	1805/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	44.258	39.915		35.200	35.200	23.089	23.089	1.111	1.111	1.111			1.111		Ban Quản lý dự án xây dựng công trình Giao thông	
<b>II</b>	<b>Các dự án ứng phó với biến đổi khí hậu</b>			<b>888.034</b>	<b>45.748</b>	<b>0</b>	<b>558.748</b>	<b>45.748</b>	<b>292.338</b>	<b>29.338</b>	<b>3.410</b>	<b>3.410</b>	<b>3.269</b>	<b>0</b>	<b>141</b>	<b>3.269</b>			
<i>a)</i>	<i>Dự án chuyển tiếp</i>			<i>813.046</i>	<i>32.343</i>	<i>0</i>	<i>485.343</i>	<i>32.343</i>	<i>220.931</i>	<i>17.931</i>	<i>2.412</i>	<i>2.412</i>	<i>2.412</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>2.412</i>			
1	Đổi ứng Dự án "Nguồn lợi ven biển vì sự phát triển bền vững tỉnh Cà Mau" (CRSD Cà Mau)	280	284	7371237	1700/QĐ-UBND ngày 07/11/2014	313.046	11.343		11.343	11.343	10.400	10.400	943		943	943		Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn	
2	Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản Tiểu vùng II, III, V - Cà Mau	280	283	7643016	4423/QĐ-BNN-XD ngày 30/10/2017	500.000	21.000		474.000	21.000	210.531	7.531	1.469	1.469	1.469	1.469		Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	
<i>b)</i>	<i>Dự án khởi công mới năm 2019</i>			<i>74.988</i>	<i>13.405</i>	<i>0</i>	<i>73.405</i>	<i>13.405</i>	<i>71.407</i>	<i>11.407</i>	<i>998</i>	<i>998</i>	<i>857</i>	<i>0</i>	<i>141</i>	<i>857</i>			
1	Dự án xây dựng Kê cấp bách bảo vệ đề biển Tây kết hợp xây dựng khu tái định cư (đoạn từ cống Sào Lưới đến Bắc cống Đá Bạc và đoạn từ Nam Đá Bạc hướng về Kênh Mới)	280	284	7700726	1049/QĐ-UBND ngày 25/6/2019	74.988	13.405		73.405	13.405	71.407	11.407	998	857		141	857	Dự án đã hoàn thành	Ban Quản lý các dự án ODA&NGO